

Số: 94/QĐ-KT

Kiến Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Xây dựng hệ thống công hộp kênh Bến Kem đoạn từ nhà ông Chín đến kênh Đại Trà 2, xã Kiến Minh

#### TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ XÃ KIẾN MINH

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024; Luật của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân xã Kiến Minh: số 1040/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; số 1060/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư xây dựng dự án; số 259/QĐ-UBND ngày 23/02/2026 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án; số 1298/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 về việc giao kế hoạch các nguồn vốn đầu tư công xã Kiến Minh năm 2026;

Xét đề nghị của Phó Trưởng phòng Kinh tế xã phụ trách Ngân sách và Đầu tư xây dựng.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Xây dựng hệ thống cống hộp kênh Bến Kem đoạn từ nhà ông Chín đến kênh Đại Trà 2, xã Kiến Minh với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

Phó Trưởng phòng Kinh tế xã phụ trách ngân sách và Đầu tư xây dựng, công chức Tài chính - Kế toán, công chức Xây dựng - Quy hoạch chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Các Phó Trưởng phòng Kinh tế xã, công chức Tài chính - Kế toán, công chức Xây dựng - Quy hoạch, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND xã (để B/cáo);
- Lưu: VT.

**TRƯỞNG PHÒNG**  
  
**Vũ Hữu Hiệp**

ĐA X. H.  
PH  
KIN  
YÊN MINH

## KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

**Dự án: Xây dựng hệ thống công hộp kênh Bến Kem đoạn từ nhà ông Chín đến kênh Đại Trà 2, xã Kiến Minh**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-KT ngày /02/2026 của Trường phòng Kinh tế xã Kiến Minh)

| Stt | Chủ đầu tư    | Tên gói thầu                                                      |                                                                                                                       | Giá gói thầu<br>(Đvt: Đồng) | Nguồn vốn    | Hình thức lựa chọn nhà thầu          | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói thầu | Tùy chọn mua thêm | Giám sát hoạt động đấu thầu |
|-----|---------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------|---------------|------------------------------|-------------------|-----------------------------|
|     |               | Tên gói thầu                                                      | Tóm tắt công việc chính của gói thầu                                                                                  |                             |              |                                      |                               |                                     |                                             |               |                              |                   |                             |
| 1   | Phòng Kinh tế | Gói thầu số 01: Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT các gói thầu | Lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT các gói thầu                                                                            | 26.228.000                  | Ngân sách xã | Chỉ định thầu theo quy trình rút gọn |                               | 15 ngày                             | Quý I/2026                                  | Trọn gói      | 30 ngày                      | Không             | Không đề xuất               |
| 2   |               | Gói thầu số 02: Thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu     | Xem xét, đánh giá năng lực của các tổ chức, cá nhân liên quan, các nội dung trong E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu | 15.344.000                  |              | Chỉ định thầu theo quy trình rút gọn |                               | 15 ngày                             | Quý I/2026                                  | Trọn gói      | 30 ngày                      | Không             |                             |



|                   |                  |                                                  |                                                                                                                  |               |                    |                                                       |                                          |            |               |             |             |       |                  |
|-------------------|------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------|---------------|-------------|-------------|-------|------------------|
| 3                 | Phòng<br>Kinh tế | Gói thầu số<br>03: Giám sát<br>thi công dự<br>án | Giám sát đơn<br>vị thi công<br>xây dựng dự<br>án theo Hồ sơ<br>đã được duyệt                                     | 173.455.000   | Ngân<br>sách<br>xã | Chi định<br>thầu theo<br>quy trình<br>rút gọn         |                                          | 15<br>ngày | Quý<br>I/2026 | Trọn<br>gói | 270<br>ngày | Không | Không<br>đề xuất |
| 4                 |                  | Gói thầu số<br>04: Quản lý<br>dự án              | Kiểm tra,<br>giám sát tiến<br>độ các công<br>việc và lên kế<br>hoạch phù<br>hợp với mốc<br>thời gian đã<br>duyet | 181.574.000   |                    | Chi định<br>thầu theo<br>quy trình<br>rút gọn         |                                          | 15<br>ngày | Quý<br>I/2026 | Trọn<br>gói | 270<br>ngày | Không |                  |
| 5                 |                  | Gói thầu số<br>05: Kiểm<br>toán độc lập          | Kiểm toán<br>quyết toán<br>hoàn thành<br>dự án                                                                   | 64.819.000    |                    | Chi định<br>thầu theo<br>quy trình<br>rút gọn         |                                          | 15<br>ngày | Quý<br>I/2026 | Trọn<br>gói | 270<br>ngày | Không |                  |
| 6                 |                  | Gói thầu số<br>06: Gói thầu<br>xây lắp           | Thi công xây<br>dựng theo Hồ<br>sơ đã được<br>duyet, tuân<br>thủ theo quy<br>định của pháp<br>luật               | 7.435.706.00  |                    | Đấu thầu<br>rộng rãi<br>trong<br>nước,<br>qua<br>mạng | Một<br>giai<br>đoạn,<br>một túi<br>hồ sơ | 30<br>ngày | Quý<br>I/2026 | Trọn<br>gói | 270<br>ngày | Không |                  |
| Tổng giá gói thầu |                  |                                                  |                                                                                                                  | 7.897.126.000 |                    |                                                       |                                          |            |               |             |             |       |                  |